TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 01 - 2018
(Về việc xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyện
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến
Bà Nguyễn Thị N Điệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 973/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân & gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 956/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Yến N, sinh năm 1993
ĐKNKTT: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở: nhà không số, đường S, khóm X, phường E, Tp.K. (có mặt)
- ***Bị đơn***: Anh Lê Anh Đ, sinh năm 1989
ĐKNKTT: xóm 13, xã Y, huyện U, tỉnh Ninh Bình.
Chỗ ở: Số 211LB, Khu P, phường Q, Tp.C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị N trình bày chị và anh Lê Anh Đ kết hôn với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời đầu hạnh phúc, thời gian sau vì tác động của người ngoài nên anh Đ về đánh đập chị. Ngoài ra, anh Đ còn ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị giữa chốn đông người. Gia đình hai bên động viên hàn gắng nhiều lần nhưng không thành. Chị N xác định cả hai đã sống ly thân với nhau và hiện tình cảm của chị đối với anh Đ không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Ý kiến của anh Đ: Anh đồng ý với lời trình bày của chị N về thời gian và nơi đăng ký kết hôn; Về mâu thuẫn: do tính chất công việc của chị N làm ở nhà hàng, đã tiếp xúc nhiều khách hàng là nam giới và có dùng rượu bia nên thường về nhà khuya, có những lần khuya anh điện thoại cho chị N không nghe máy, do tức giận nên anh có đánh chị N. Nay anh xác định còn thương vợ con muốn được hàn gắng, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị N xác định có 01 người con tên Lê Nguyễn Yến T, sinh ngày 24/7/2015 hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của anh Đ: Về con chung anh Đ xác định đúng như chị N trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu Yến T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị N và anh Đ xác định có tài sản nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh Đ xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Yến N về việc xin ly hôn với anh Lê Anh Đ thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; anh Đ là bị đơn có nơi cư trú và chỗ ở hiện nay tại địa chỉ số 211LB, Khu P, phường Q, Tp. C nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận vào năm 2014. Xét về mâu thuẫn: Chị N cho rằng do tác động của người ngoài nên anh Đ thường đánh đập chị và ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị giữa chốn đông người, chị N xác định cả hai đã sống ly thân với nhau và hiện tình cảm của chị đối với anh Đ không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ thừa nhận có đánh chị N nhiều lần vì do tức giận và nghi ngờ chị N quen biết với người khác khi đi làm ở nhà hàng và rượu bia về khuya, nói dối với anh để đi chơi xa, ngay cả khi con bệnh cũng đi ăn nhậu, nhưng anh xác định còn thương vợ con, muốn được hàn gắng. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên anh Đ chưa thuyết phục được chị N trở về sống cuộc sống vợ chồng và ngược lại chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Đ là phù hợp.

Về con chung: Chị N và anh Đ xác định có 01 người con tên Lê Nguyễn Yến T, sinh ngày 24/7/2015 hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Đ đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu Yến T đủ 18 tuổi, tại phiên tòa chị N đồng ý việc cấp dưỡng của anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận giao cháu Lê Nguyễn Yến T, sinh ngày 24/7/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị N và anh Đ xác định có tài sản nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị N và anh Đ xác định không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Yến N về việc xin ly hôn với anh Lê Anh Đ.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Yến T, sinh ngày 24/7/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T 18 tuổi và tự lao động nuôi sống được. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày chị Hân có đơn yêu cầu thi hành án, anh Quông có nghĩa vụ thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chưa thi hành xong còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền và thời gian chậm thi hành theo luật thi hành án.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Chị N và anh Đ xác định có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị N và anh Đ xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị N nộp 300.000đ. Vào ngày 07 tháng 12 năm 2017, chị N đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0000091 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ nộp 300.000đ (chưa nộp).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Diệp Chí Nguyện

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THA dân sự TPCM;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.